

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được thay đổi các lần và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2026 về việc thay đổi một người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 19 ngày 09/01/2026 là 138.422.290.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đoàn Viện	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đoàn Viện
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Số: 190/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hải Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 12/8/2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	01/01/2026	30/6/2026
			(Trình bày lại) VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+160)	100		70.431.286.158	94.482.613.054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.305.303.886	19.852.727.138
1. Tiền	111		7.305.303.886	15.852.727.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	61.297.962.002	- 71.926.904.684
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	61.299.512.506	74.880.219.554
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2a	(1.501.550.504)	(4.453.314.870)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		624.048.105	1.617.242.275
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.667.010	46.997.011
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	89.388.453	35.113.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	509.992.642	1.535.131.311
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.203.972.165	1.085.738.957
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	203.972.165	85.738.957
2. Tài sản ngắn hạn khác	165	5.7	1.000.000.000	1.000.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+260+270)	200		180.157.960.777	169.486.071.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	8.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	8.000.000	8.000.000
II. Tài sản cố định	220		13.249.460.102	13.641.591.836
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.797.326.369	13.182.466.345
- Nguyên giá	222		18.566.673.585	18.566.673.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.769.347.216)	(5.384.207.240)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	452.133.733	459.125.491
- Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(149.157.504)	(142.165.746)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.10	22.718.284.068	22.930.768.512
1. Nguyên giá	241		23.603.635.918	23.603.635.918
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(885.351.850)	(672.867.406)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	143.451.490.000	132.051.490.000
1. Đầu tư vào Công ty con	261	5.2c	132.051.490.000	132.051.490.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.2c	11.400.000.000	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		730.726.607	854.221.596
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	560.030.770	719.648.114
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	5.11	170.695.837	134.573.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		250.589.246.935	263.968.684.998

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		24.923.348.939	27.858.869.483
I. Nợ ngắn hạn	310		24.923.348.939	27.858.869.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	933.680.743	939.996.262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.000.000	17.000.000
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.13	63.451.065	52.720.815
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	1.419.162.186	1.425.258.251
5. Phải trả người lao động	315		1.000.187.465	1.068.740.675
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	101.950.002	124.265.312
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16	17.192.139.589	11.652.081.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17	-	10.504.010.898
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.207.777.889	2.074.795.889
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	225.665.897.996	236.109.815.515
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.422.290.000	138.422.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.422.290.000	138.422.290.000
2. Thặng dư vốn	412		6.812.054.901	6.812.054.901
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		73.817.110.226	84.261.027.745
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		68.265.816.745	62.189.641.080
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		5.551.293.481	22.071.386.665
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		250.589.246.935	263.968.684.998

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Hương

Hoàng Thị Hương

Trần Đoàn Viện



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.694.806.125	6.252.017.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.694.806.125	6.252.017.718
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	6.2	5.381.875.918	4.526.906.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.312.930.207	1.725.110.886
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	3.885.654.793	16.301.429.630
8. Chi phí tài chính	23	6.4	(2.408.178.102)	(850.269.541)
Trong đó: Chi phí đi vay	24		225.951.596	92.107.743
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.944.263.777	1.445.026.906
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		6.662.499.325	17.431.783.151
12. Thu nhập khác	31	6.6	18.517.733	-
13. Chi phí khác	32	6.7	9.167.943	900.002
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.349.790	(900.002)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.671.849.115	17.430.883.149
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.156.677.989	2.367.255.519
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(36.122.355)	(42.496.889)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.551.293.481	15.106.124.519

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Đoàn Viện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.671.849.115	17.430.883.149
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		604.616.178	496.795.994
- Các khoản dự phòng	03		(2.951.764.366)	(1.590.244.079)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(290.647.944)	(16.144.762.643)
- Chi phí đi vay	06		225.951.596	92.107.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.260.004.579	284.780.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.016.032.160	(38.380.816)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.695.770.413	3.379.979.848
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		41.384.136	(871.650.119)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		13.580.707.048	(9.341.104.650)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(245.566.908)	(92.107.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.408.054.986)	(1.374.543.496)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20.000.000)	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.920.276.442	(8.113.026.812)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.431.754.546)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.400.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		267.809.954	1.701.653.465
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.132.190.046)	27.769.898.919
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	5.405.659.330
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.092.081.443
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.504.010.898)	(2.057.997.845)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.831.498.750)	(12.972.440.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.335.509.648)	(7.532.697.522)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(12.547.423.252)	12.124.174.585
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	19.852.727.138	7.420.121.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	7.305.303.886	19.544.296.106

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Đoàn Viện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được thay đổi các lần và đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2026 về việc thay đổi một người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 19 ngày 09/01/2026 là 138.422.290.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 27 người (tại ngày 31/12/2025 là 23 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đại lý hãng tàu, các dịch vụ hỗ trợ vận tải, kinh doanh bất động sản cho thuê.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con như sau:

Stt	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tp. Hải Phòng	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (i)	Tp. Hải Phòng	100%	99,92%	99,92%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh (ii)	Tp. Hải Phòng	100%	99,00%	99,00%

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh bao gồm quyền biểu quyết và lợi ích trực tiếp với tỷ lệ là 99,92% và quyền biểu quyết và lợi ích gián tiếp thông qua một Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, với tỷ lệ là 0,08%.

(ii) Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh bao gồm quyền biểu quyết và lợi ích trực tiếp với tỷ lệ là 99% và quyền biểu quyết và lợi ích gián tiếp thông qua một Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, với tỷ lệ là 1%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định, chi tiết việc trình bày lại tại Thuyết minh số 7.3. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh hoặc được phân loại là chứng khoán kinh doanh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản đầu tư vào Đơn vị khác mà Công ty không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và từ các đơn vị được đầu tư sau ngày đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh: dự phòng giảm giá được xác định căn cứ vào chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý của chứng khoán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đầu tư vào đơn vị khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	43
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 43 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ

Các chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê căn hộ bao gồm chi phí môi giới căn hộ và chi phí thi công lại nội thất căn hộ cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Định kỳ, các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác**

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác (không bao gồm phải trả cổ tức, lợi nhuận) được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua. Việc chi trả số cổ tức này được thực hiện khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí dịch vụ khác: Trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến kho bãi và đại lý container; doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 17% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Tiền mặt	14.416.833	4.122.045
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	7.290.887.053	15.848.605.093
Các khoản tương đương tiền (ii)	-	4.000.000.000
Cộng	7.305.303.886	19.852.727.138

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	4.627.735.210	6.606.327.609
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	1.476.223.970	7.083.956.480
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	1.040.265.328	1.723.596.676
Tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng khác	146.662.545	434.724.328
Cộng	7.290.887.053	15.848.605.093

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	4.000.000.000
Cộng	-	4.000.000.000

Mẫu số B 09a - DN

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Cổ phiếu	61.299.512.506	67.659.493.200	(1.501.550.504)	74.880.219.554	77.216.854.000	(4.453.314.870)
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (Mã chứng khoán: PSP)	11.268.812.075	15.900.000.000	-	11.268.812.075	17.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Mã chứng khoán: PVP) (ii)	3.850.481.715	4.380.000.000	-	33.480.084.402	29.540.000.000	(3.940.084.402)
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán: TUG)	12.278.498.212	14.851.753.200	-	12.278.498.212	11.838.354.000	(440.144.212)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (Mã chứng khoán: HAP)	13.755.963.135	13.327.740.000	(428.223.135)	10.270.651.969	10.965.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (Mã chứng khoán: HPG)	7.435.568.471	6.990.000.000	(445.568.471)	1.339.506.256	1.320.000.000	(19.506.256)
Các cổ phiếu khác	12.710.188.898	12.210.000.000	(627.758.898)	6.242.666.640	6.253.500.000	(53.580.000)
Cộng	61.299.512.506	67.659.493.200	(1.501.550.504)	74.880.219.554	77.216.854.000	(4.453.314.870)

Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhân (x) với số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền với lãi suất áp dụng là 4,2%/năm.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tỷ lệ	30/06/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Vốn giữ		Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi	
	biểu quyết	Giá gốc	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con		132.051.490.000	132.051.490.000	-	132.051.490.000	132.051.490.000	-	
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,8%	44.510.290.000	44.510.290.000	-	44.510.290.000	44.510.290.000	-	
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,9%	45.961.200.000	45.961.200.000	-	45.961.200.000	45.961.200.000	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	99,0%	41.580.000.000	41.580.000.000	-	41.580.000.000	41.580.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.400.000.000	11.400.000.000	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Hải Minh Đình Vũ	19,0%	11.400.000.000	11.400.000.000	-	-	-	-	
Cộng		143.451.490.000	143.451.490.000	-	132.051.490.000	132.051.490.000	-	

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Vitamas	22.095.000	-	-	-
Công ty Cổ phần	-	-	32.017.170	-
Thủy đặc sản	-	-	5.888.000	-
Bà Đình Thị Thu Hòa	-	-	9.091.841	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.572.010	-	-	-
Cộng	24.667.010	-	46.997.011	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	27.500.000	-	33.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Hưng Thịnh D&D	59.651.370	-	-	-
Các khoản trả trước người bán khác	2.237.083	-	2.113.953	-
Cộng	89.388.453	-	35.113.953	-

5.5 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a) Ngắn hạn	509.992.642	-	1.535.131.311	-
Ký cược, ký quỹ	51.060.287	-	41.500.000	-
Phải thu khác	458.932.355	-	1.493.631.311	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	176.122.812	-	176.147.836	-
+ Phải thu khác còn lại (i)	282.809.543	-	1.317.483.475	-
b) Dài hạn	8.000.000	-	8.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	8.000.000	-
Cộng	517.992.642	-	1.543.131.311	-

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	203.972.165	85.738.957
Chi phí sửa chữa tài sản	-	42.899.464
Chi phí bảo hiểm	56.002.815	12.876.790
Công cụ, dụng cụ	-	13.684.374
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	11.560.863	3.874.997
Chi phí phần mềm	4.854.546	2.300.000
Chi phí chờ phân bổ khác	131.553.941	10.103.332
Dài hạn	560.030.770	719.648.114
Chi phí sửa chữa tài sản	371.542.753	469.191.589
Công cụ, dụng cụ	32.466.957	44.242.492
Chi phí phần mềm	69.354.396	92.184.867
Chi phí thuê hoạt động	86.666.664	96.666.666
Chi phí chờ phân bổ khác	-	17.362.500
Cộng	764.002.935	805.387.071

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Các khoản tương đương tiền thế chấp để phát hành bảo lãnh ngân hàng (i)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

- (i) Số dư tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm được dùng làm tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc cấp bảo lãnh (chi tiết tại Thuyết minh số 5.15).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

				Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2026	14.505.410.057	3.722.933.909	338.329.619	18.566.673.585
Số dư tại ngày 30/06/2026	14.505.410.057	3.722.933.909	338.329.619	18.566.673.585
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2026	3.429.573.598	1.747.430.038	207.203.604	5.384.207.240
Khấu hao trong kỳ	168.667.554	188.820.000	27.652.422	385.139.976
Số dư tại ngày 30/06/2026	3.598.241.152	1.936.250.038	234.856.026	5.769.347.216
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2026	11.075.836.459	1.975.503.871	131.126.015	13.182.466.345
Số dư tại ngày 30/06/2026	10.907.168.905	1.786.683.871	103.473.593	12.797.326.369

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 1.629.508.982 VND (tại ngày 01/01/2026: 1.629.508.982 VND VND).

Các tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có tỷ lệ giá trị từ 10% trên tổng tài sản cố định hữu hình như sau:

Mô tả tài sản	Phân loại	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
		Nguyên giá	Giá trị hao		Nguyên giá	Giá trị hao	
			mòn lũy kế	Giá trị còn lại		mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Văn phòng Hải Minh Hồ Chí Minh - 17.01	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.803.104.897	1.935.653.888	5.867.451.009	7.803.104.897	1.844.920.112	5.958.184.785
Văn phòng Hải Minh Hồ Chí Minh - 17.05	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.702.305.160	1.662.587.264	5.039.717.896	6.702.305.160	1.584.653.486	5.117.651.674
Xe du lịch - văn phòng	Phương tiện vận tải	1.457.093.909	1.457.093.909	-	1.457.093.909	1.457.093.909	-
Xe du lịch - văn phòng	Phương tiện vận tải	2.265.840.000	479.156.129	1.786.683.871	2.265.840.000	290.336.129	1.975.503.871
Cộng		18.228.343.966	5.534.491.190	12.693.852.776	18.228.343.966	5.177.003.636	13.051.340.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	601.291.237	601.291.237
Số dư tại ngày 30/06/2026	601.291.237	601.291.237
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	142.165.746	142.165.746
Khấu hao trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Số dư tại ngày 30/06/2026	149.157.504	149.157.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2026	459.125.491	459.125.491
Số dư tại ngày 30/06/2026	452.133.733	452.133.733

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2026
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	23.603.635.918	-	-	23.603.635.918
- Quyền sử dụng đất	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
- Nhà	21.248.444.059	-	-	21.248.444.059
Giá trị hao mòn lũy kế	672.867.406	212.484.444	-	885.351.850
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	672.867.406	212.484.444	-	885.351.850
Giá trị còn lại	22.930.768.512	(212.484.444)	-	22.718.284.068
- Quyền sử dụng đất	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
- Nhà	20.575.576.653	(212.484.444)	-	20.363.092.209

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 428.202.060 VND và 221.616.915 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	170.695.837	134.573.482
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	170.695.837	134.573.482
Cộng	170.695.837	134.573.482

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400
Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh	-	3.113.214
Phải trả người bán khác	82.122.343	85.324.648
Cộng	933.680.743	939.996.262
Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)	-	4.681.467

5.13 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (i)	63.451.065	52.720.815

(i) Phần cổ tức của các năm trước phải trả cho các cá nhân sở hữu cổ phiếu chưa lưu ký.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2026
a) Phải nộp	1.425.258.251	4.389.872.620	4.395.968.685	1.419.162.186
Thuế giá trị gia tăng	12.392.246	160.032.194	73.644.187	98.780.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.054.986	1.156.677.989	1.408.054.986	756.677.989
Thuế thu nhập cá nhân	84.333.098	696.959.891	761.188.226	20.104.763
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	320.477.921	2.376.202.546	2.153.081.286	543.599.181

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	19.615.312
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	30.600.000	33.300.000
Các khoản phải trả khác	71.350.002	71.350.000
Cộng	101.950.002	124.265.312

5.16 Phải trả khác

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	36.169.500	34.328.500
Nhận ký quỹ, ký cược (i)	98.000.000	166.000.000
Samudera Shipping Line Ltd. - Phải trả hộ hãng tàu theo hợp đồng đại lý	2.300.839.086	5.221.972.450
Phải trả phải nộp khác	14.757.131.003	6.229.780.431
Cộng	17.192.139.589	11.652.081.381

(i) Khoản nhận ký cược liên quan đến việc cho thuê căn hộ.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	2.097.447.940	2.097.447.940
- Chi nhánh Gia Định (i)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	-	-	8.406.562.958	8.406.562.958
- Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	-
Cộng	-	-	10.504.010.898	10.504.010.898

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số PDL20231129632/HDTD ngày 14/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số PDL20231129632/HDTD/PL3267527 ngày 04/7/2025, các điều khoản về việc cấp tín dụng cho Công ty như sau:

- Hạn mức tín dụng : 4.100.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 2.100.000.000 VND;
- Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng : 12 tháng, kể từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 04/7/2026;
- Mục đích cho vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất cho vay : xác định theo từng lần giải ngân;
- Biện pháp đảm bảo : Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty, bao gồm sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-ĐN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	76.830.774.080	216.943.082.520
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	22.071.386.665	22.071.386.665
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.199.847.000)	(13.199.847.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.441.286.000)	(1.441.286.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.011.070.630	4.394.588.700	-	-	5.405.659.330
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	6.423.820.000	(93.000.000)	-	-	-	6.330.820.000
Số dư tại ngày 01/01/2026	138.422.290.000	6.812.054.901	-	6.614.442.869	84.261.027.745	236.109.815.515
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	5.551.293.481	5.551.293.481
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(13.842.229.000)	(13.842.229.000)
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	-	(2.152.982.000)	(2.152.982.000)
Số dư tại ngày 30/06/2026	138.422.290.000	6.812.054.901	-	6.614.442.869	73.817.110.226	225.665.897.996

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (i) Tại ngày Báo cáo, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tính đến hết ngày 10/8/2026 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
A	Tổng số vốn thu được từ đợt phát hành	6.423.820.000
B	Tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành	6.425.897.020
1	Thanh toán các khoản chi phí phục vụ hợp đồng đại lý với hãng tàu	4.577.850.939
2	Mở tài khoản bảo lãnh tại ngân hàng để thực hiện Hợp đồng kinh tế	1.500.000.000
3	Thanh toán các dịch vụ mua ngoài phục vụ hoạt động kinh doanh	297.965.915
4	Thanh toán phần còn lại của chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	33.000.000
5	Thanh toán các dịch vụ ngân hàng	17.080.166
C	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.077.020
D	Số vốn còn lại của đợt phát hành ($C = A+B-C$)	-

- (ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2025, tương ứng với 1.345.614.000 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 3% lợi nhuận sau thuế năm 2025, tương ứng với 807.368.000 VND.
- Chia cổ tức: 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với 13.842.229.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	14.288.000.000	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	14.600.870.000	14.600.870.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	13.743.000.000	13.743.000.000
Ông Vũ Đức Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Trần Quang Thành Đạt	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	75.790.420.000	75.790.420.000
Cộng	138.422.290.000	138.422.290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	138.422.290.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	138.422.290.000	131.998.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.842.229.000	13.199.847.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.842.229	13.842.229
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.842.229	13.842.229
Cổ phiếu phổ thông	13.842.229	13.842.229
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.842.229	13.842.229
Cổ phiếu phổ thông	13.842.229	13.842.229
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ**a. Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp**

Mô tả tài sản	Khoản mục	Giá trị ghi sổ (VND)	Đối tượng nhận cầm cố thế chấp	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	Phát hành bảo lãnh	Tháng 7 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp theo)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Thami Shipping & Airfreight	17.820.000	17.820.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ	16.632.000	16.632.000
Giao nhận Giang Hà		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	21.224.815
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát	150.587.322	150.587.322
Công ty TNHH JD-LINK International Logistics Vietnam	17.820.000	17.820.000
Công ty TNHH Giao nhận và Thương mại phía nam	44.172.000	44.172.000
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Quân	11.600.000	11.600.000
Công ty TNHH Thủy sản Trọng Nhân	12.904.200	12.904.200
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	31.693.800	31.693.800
Công ty TNHH MTV Quận Nhuận	10.677.400	10.677.400
Công ty TNHH Nhân Châu	18.900.000	18.900.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thiên Tân	1.400.000	1.400.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trần Gia Phát	14.923.636	14.923.636
Công ty TNHH Giao nhận Biển Xanh	34.000.000	34.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật - Thương mại - Dịch vụ Thái Hòa	9.180.000	9.180.000
Cộng	513.535.173	513.535.173

Công ty tiến hành xóa nợ phải thu nêu trên do đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu, tuy nhiên, đối tượng nợ không có khả năng thanh toán nợ dù đã có Quyết định thi hành án dân sự của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc các đối tượng nợ là nhân viên của Công ty đã nghỉ việc.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu dịch vụ đại lý container	7.266.604.065	5.647.120.270
Doanh thu cho thuê văn phòng (i)	428.202.060	604.897.448
Cộng	7.694.806.125	6.252.017.718

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 428.202.060 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn dịch vụ đại lý container	4.909.910.041	3.925.671.988
Giá vốn cho thuê văn phòng (i)	471.965.877	601.234.844
Cộng	5.381.875.918	4.526.906.832

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 221.616.915 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.647.944	300.872.643
Lãi do bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	175.000.000	5.843.890.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.497.376	34.749.715
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.473.004.132	116.158.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.505.341	5.758.472
Cộng	3.885.654.793	16.301.429.630

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	225.951.596	92.107.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.666.449	19.857.800
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.951.764.366)	(1.590.244.079)
Lỗ kinh doanh chứng khoán	276.968.219	628.008.995
Cộng	(2.408.178.102)	(850.269.541)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.944.263.777	1.445.026.906
Chi phí nhân viên quản lý	1.032.828.612	668.222.534
Chi phí vật liệu quản lý	9.618.571	3.364.878
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.199.336	56.882.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	204.885.138	116.514.597
Thuế phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.324.535	213.398.883
Chi phí bằng tiền khác	461.407.585	383.643.688
Cộng	1.944.263.777	1.445.026.906

6.6 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập từ việc khách thuê chấm hợp đồng thuê trước hạn	18.500.000	-
Thu nhập khác	17.733	-
Cộng	18.517.733	-

6.7 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	9.167.943	-
Chi phí khác	-	900.002
Cộng	9.167.943	900.002

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.671.849.115	17.430.883.149
Các khoản điều chỉnh tăng	307.139.053	249.284.445
+ Chi phí không được trừ	307.139.053	249.284.445
Các khoản điều chỉnh giảm	(175.000.000)	(5.843.890.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(175.000.000)	(5.843.890.000)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.803.988.168	11.836.277.594
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.803.988.168	11.836.277.594
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.156.677.989	2.367.255.519
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.156.677.989	2.367.255.519

6.9 Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(36.122.355)	(42.496.889)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(36.122.355)	(42.496.889)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.528.141	128.452.930
Chi phí nhân công	3.710.255.398	2.886.308.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	604.616.178	496.795.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.015.386.638	1.745.879.880
Chi phí khác bằng tiền	853.353.340	714.496.123
Cộng	7.326.139.695	5.971.933.738

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết****a. Cam kết phát hành cổ phiếu**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2026, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với các thông tin như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 681.000 cổ phiếu;
- Tổng mệnh giá của cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 6.810.000.000 VND, tương ứng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần và tỷ lệ phát hành là 4,92%;
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu, tổng số tiền huy động dự kiến là 6.810.000.000 VND;
- Đối tượng được quyền mua: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý, người lao động xuất sắc tại Công ty Cổ phần Hải Minh và các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Hải Minh;
- Cổ phiếu phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Thời gian thực hiện dự kiến: từ quý II-III năm 2026;
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2026, Công ty cho thuê các bất động sản bao gồm các căn hộ chung cư thông qua các hợp đồng cho thuê hoạt động có liên quan. Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	822.499.997	692.500.000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	137.954.546	284.545.449
Trên 05 năm	-	-
Cộng	960.454.543	977.045.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Hải Minh Đình Vũ	Tổ chức liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Phát triển Cao Gia	Tổ chức liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	
Ảnh hưởng đáng kể	

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	488.776.000	822.230.772

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đoàn Viên	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Cộng		150.000.000	150.000.000

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban	18.000.000	18.000.000
Bà Tạ Thu Hương	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		54.000.000	54.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập từ tiền lương của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/10/2024 đến ngày 31/12/2025)		573.230.772
Ông Trần Đoàn Viện	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2026) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2025)	158.600.000	27.000.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Phan Trọng Long	Người được ủy quyền công bố thông tin	126.176.000	18.000.000
Cộng		284.776.000	618.230.772

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Mua hàng			-	15.287.018
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Dịch vụ đại lý container	-	15.287.018
Doanh thu hoạt động tài chính			-	5.843.890.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	2.079.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	2.845.626.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	919.264.000
Giao dịch khác			-	60.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi thưởng và các khoản phúc lợi	-	30.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Chi thưởng và các khoản phúc lợi	-	30.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026	01/01/2026
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		-	4.681.467
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	-	4.681.467
Phải trả khác ngắn hạn khác		14.400.000	474.784
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	14.400.000	474.784

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Một số thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài riêng giữa niên độ đã trình bày lại để phù hợp với Thông tư 99/2025/TT-BTC như sau:

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.852.727.138	19.852.727.138	(1.000.000.000)
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	4.000.000.000	(1.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	85.738.957	1.085.738.957	1.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	52.720.815	52.720.815
Phải trả ngắn hạn khác	11.704.802.196	11.652.081.381	(52.720.815)

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Trần Đoàn Viện